

NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN:

THUYẾT MINH DỰ ÁN

TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN:

0918755356



**TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ KẾT HỢP
TRỒNG CÂY ĂN QUẢ, CÂY LÂM NGHIỆP**

Địa điểm:

Thành phố Đà Nẵng

NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN:



DỰ ÁN

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ KẾT HỢP
TRỒNG CÂY ĂN QUẢ, CÂY LÂM NGHIỆP

Địa điểm: Thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG	6
I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	6
1.1. Nhà đầu tư	6
1.2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư	6
II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN	6
III. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ'....	6
IV. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ'	7
4.1. Thực trạng chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam	7
4.2. Chiến lược phát triển chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam.....	9
V. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	10
VI. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN	11
6.1. Mục tiêu chung.....	11
6.2. Mục tiêu cụ thể.....	11
CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	13
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI XÃ ĐỒNG DƯƠNG	13
II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG.....	14
2.1. Quy mô thị trường rau củ quả Việt Nam	14
2.2. Thị trường bò thịt	15
III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN	16
3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án	16
3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư	17
IV. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	18
4.1. Địa điểm khu đất thực hiện dự án	18

4.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án	18
4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất của dự án	18
4.4. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất	18
4.5. Hình thức đầu tư.....	18
V. SỰ PHÙ HỢP ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	18
VI. NHU CẦU CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	19
CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ	20
I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	20
II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ	20
2.1. Chọn giống bò	20
2.2. Xây dựng chuồng trại	21
2.3. Kỹ thuật chăn nuôi bò thịt	22
2.4. Quy trình chăn thả và lượng thức ăn bổ sung tại chuồng	23
2.5. Kỹ thuật Phòng và trị bệnh nuôi bò	24
2.6. Kỹ thuật xử lý phân bò – quy trình làm phân vi sinh hữu cơ	Error!
Bookmark not defined.	
2.7. Nuôi bò theo công nghệ: Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học.....	33
2.8. Kỹ thuật trồng cỏ chăn nuôi bò	34
2.9. Kỹ thuật ủ chua thức ăn xanh.....	46
CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	46
I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG	46
1.1. Chuẩn bị mặt bằng.....	46
1.2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư:	46
1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	46
II. PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	46

2.1. Các phương án xây dựng công trình	46
2.2. Các phương án kiến trúc	47
III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	48
IV. THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	48
4.1. Thời gian hoạt động của dự án.....	48
4.2. Tiến độ thực hiện của dự án.....	49
CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	50
I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	50
II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.....	50
III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG	52
3.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình.....	52
3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng	53
IV. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG	55
4.1. Giai đoạn xây dựng dự án	55
4.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng	59
V. KẾT LUẬN	62
CHƯƠNG VI. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ – NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN	63
I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.	63
II. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.....	64
2.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.	64
2.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án:	64
2.3. Các chi phí đầu vào của dự án:	64
2.4. Phương án vay.....	65
2.5. Các thông số tài chính của dự án	65
KẾT LUẬN	68

I. KẾT LUẬN.....	68
II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.	68
PHỤ LỤC: CÁC BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH.....	69
Phụ lục 1: Tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án	69
Phụ lục 2: Bảng tính khấu hao hàng năm.....	70
Phụ lục 3: Bảng tính doanh thu và dòng tiền hàng năm.	71
Phụ lục 4: Bảng Kế hoạch trả nợ hàng năm.....	72
Phụ lục 5: Bảng mức trả nợ hàng năm theo dự án.	73
Phụ lục 6: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn.....	74
Phụ lục 7: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn có chiết khấu.	75
Phụ lục 8: Bảng Tính toán phân tích hiện giá thuần (NPV).	76
Phụ lục 9: Bảng Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).	77

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG

I. NHÀ ĐẦU TƯ/HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1.1. Nhà đầu tư

Họ tên:

Hình thức lựa chọn nhà đầu tư

Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

Tên dự án:

“Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

Địa điểm thực hiện dự án: **Thành phố Đà Nẵng.**

Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: **49.709,9 m² (4,97 ha).**

Hình thức quản lý: Nhà đầu tư trực tiếp quản lý điều hành và khai thác.

Tổng mức đầu tư của dự án: **15.712.866.000 đồng.**

(Mười lăm tỷ, bảy trăm mười hai triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

+ Vốn tự có (20%)

+ Vốn vay - huy động (80%) Công suất thiết kế và sản phẩm/dịch vụ cung cấp:

Chăn nuôi bò thịt vỗ béo 1.000,0 con/năm

Thu gom, xử lý phân bò 3.577,0 tấn/năm

Trồng cây ăn quả 69,6 tấn/năm

III. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Chiến lược phát triển ngành Nông nghiệp tại Việt Nam

Theo Bộ Nông Nghiệp nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh theo hướng nông nghiệp sinh thái, hiện đại, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; Quốc hội,

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện nhiều chính sách, giải pháp, trong đó có chính sách, giải pháp về thu hút doanh nghiệp đầu tư; tăng cường truyền thông, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản hàng hóa. Cụ thể như sau:

Giải pháp đột phá nâng chất và lượng cho sản phẩm nông nghiệp: Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, tạo sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

Thời gian qua, khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển, là giải pháp đột phá về năng suất, chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị kinh tế, tiêu chuẩn sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.

Chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp: Thời gian tới, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm. Trong đó tập trung các nội dung sau:

Từ những thực tế trên, chúng tôi đã lên kế hoạch thực hiện dự án “**Trang trại chăn nuôi gà thả đồi, bò cỏ và trồng rau sạch**” tại X Thành phố Đà Nẵng nhằm phát huy được tiềm năng thế mạnh của mình, đồng thời góp phần phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu để đảm bảo phục vụ cho ngành nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam.

IV. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

4.1. Thực trạng chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam

Đàn bò cả nước hiện khoảng 6,26 triệu con, giảm nhẹ khoảng 1% so với năm trước do hiệu quả kinh tế chưa cao và diện tích chăn thả thu hẹp ở một số vùng. Đàn bò sữa cũng giảm nhẹ 1,2% do chuyển đổi cơ cấu ngành ở TP.HCM.

Thuận lợi trong phát triển chăn nuôi bò thịt ở Việt Nam

Việt Nam là nước sản xuất nông nghiệp với nguồn phụ phẩm rất lớn (sản lượng rơm ước khoảng 43 triệu tấn, hàng trăm ngàn tấn phụ phẩm ngành chế biến rau quả), chế biến thức ăn TMR, FTMR và áp dụng quy trình vỗ béo trước khi giết mổ cho tất cả quy mô -> đây là nguồn thức ăn rất lớn cho chăn nuôi bò thịt.

Luật Chăn nuôi đã quy định áp dụng Phúc lợi động vật (điều 69 đến điều 72), đây chính là cơ sở để hài hoà hoá các quy định quốc tế, mở đường cho ngành chăn nuôi bò thịt phát triển

Chính phủ Việt Nam khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt để tăng cơ cấu thịt bò trong tiêu dùng hiện nay (chỉ mới đạt 7-10%).

Nhu cầu tiêu dùng thịt bò của Việt Nam đang tăng mạnh. Giá bò thịt và thịt bò ở Việt Nam khá ổn định

Khó khăn trong phát triển chăn nuôi bò thịt ở Việt Nam

Chăn nuôi gia súc ăn cỏ, đặc biệt là chăn nuôi bò thịt phụ thuộc chặt chẽ vào nguồn thức ăn thô xanh, trong khi nước ta thiếu đồng cỏ, bãi chăn thả tự nhiên.

Tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết còn chiếm tỷ trọng thấp; liên kết chưa hoàn chỉnh đến khâu cuối cùng của chuỗi là giết mổ, chế biến và kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm...

Công tác thanh tra, kiểm tra về sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi còn nhiều tồn tại, nhất là tại các địa phương.

Chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán còn chiếm tỷ lệ cao ảnh hưởng tới việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi và công tác kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm

Tình hình nhập lậu vật nuôi sống đặc biệt là bò thịt và sản phẩm chăn nuôi từ nước ngoài qua đường bộ biên giới phía Tây, Tây Nam, có nguy cơ lây lan dịch bệnh và bất ổn thị trường trong nước.

Thách thức trong phát triển chăn nuôi bò thịt Việt Nam

Bệnh truyền nhiễm: Việt Nam vẫn chưa kiểm soát hoàn toàn các bệnh truyền nhiễm (LMLM, viêm da nổi cục) nên chăn nuôi bò thịt vẫn tiềm ẩn rủi ro tương đối cao

Cạnh tranh quốc tế: Các hiệp định tự do thương mại của Việt Nam với các nước, nhất là hiệp định CPTPP và EVFTA đã được ký kết sẽ làm cho thịt bò trong nước gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với thịt bò nhập khẩu.

Thiếu hụt nguồn thức ăn: Chăn nuôi gia súc ăn cỏ phụ thuộc nhiều vào nguồn thức ăn thô xanh nhưng nước ta thiếu đồng cỏ, bãi chăn thả tự nhiên ... Việc khai thác, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi chưa hiệu quả

4.2. Chiến lược phát triển chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam

Định hướng phát triển chăn nuôi bò thịt của Việt Nam

Luật Chăn nuôi (2018) đã mở ra hành lang pháp lý để phát triển ngành chăn nuôi hướng khai thác lợi thế so sánh, an toàn thực phẩm, hội nhập quốc tế và bảo vệ môi trường.

Định hướng chi tiết phát triển ngành chăn nuôi bò thịt

Trong chiến lược phát triển sản xuất và thị trường thịt bò 10 năm tới, Việt Nam đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ, đặc biệt là bò thịt để đến năm 2030 đạt trên 10% thịt bò trong tổng sản lượng thịt các loại (hiện là 7,4%). Cùng đó, số lượng và giá trị thương mại thịt bò trên thế giới những năm tới có xu hướng tăng. Đây là cơ hội để chăn nuôi bò thịt trong nước mở rộng sản xuất.

Trong đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi mới đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác định sẽ đẩy mạnh chăn nuôi bò thịt làm lợi thế để tăng giá trị gia tăng trong nông nghiệp.

Từ những thực tế trên, chúng tôi đã lên kế hoạch thực hiện dự án “**Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp**” tại Thành phố Đà Nẵng nhằm phát huy được tiềm năng thế mạnh của mình, đồng thời góp phần phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu để đảm bảo phục vụ cho ngành chăn nuôi của Thành phố Đà Nẵng.

V. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Văn bản hợp nhất 14/VBHN-VPQH năm 2014 hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do văn phòng quốc hội ban hành;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng quy định tại Phụ lục VIII, của thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi định mức xây dựng tại Thông tư 12/2021/TT-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;
- Quyết định 409/QĐ-BXD của Bộ xây dựng ngày 11 tháng 04 năm 2025 về Công bố Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024.

VI. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN

6.1. Mục tiêu chung

- Phát triển dự án “*Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp*” theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, cung cấp sản phẩm chất lượng, có năng suất, hiệu quả kinh tế cao nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt tiêu chuẩn, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu thị trường góp phần tăng hiệu quả kinh tế địa phương cũng như của cả nước.
- Khai thác có hiệu quả hơn tiềm năng về: đất đai, lao động và sinh thái của khu vực Thành phố Đà Nẵng.
- Dự án khi đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập nền kinh tế của địa phương, của Thành phố Đà Nẵng.
- Hơn nữa, dự án đi vào hoạt động tạo việc làm với thu nhập ổn định cho nhiều hộ gia đình, góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp và lành mạnh hoá môi trường xã hội tại vùng thực hiện dự án.

6.2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển mô hình chăn nuôi bò vỗ béo chuyên nghiệp, hiện đại, góp phần cung cấp sản phẩm bò thịt chất lượng, giá trị, hiệu quả kinh tế cao cho thị trường trong nước.
- Hướng tới mô hình kinh tế trang trại hiện đại, bền vững, thân thiện môi trường, đồng thời là nguồn cung thực phẩm sạch cho thị trường địa phương và khu vực.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

- Dự án thiết kế với quy mô, công suất như sau:

Chăn nuôi bò thịt vỗ béo 1.000,0 con/năm

Thu gom, xử lý phân bò 3.577,0 tấn/năm

Trồng cây ăn quả 69,6 tấn/năm

- Giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận người dân địa phương, nâng cao cuộc sống cho người dân.

- Góp phần phát triển kinh tế xã hội của người dân trên địa bàn và Thành phố Đà Nẵng nói chung.

CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI XÃ ĐỒNG DƯƠNG

1. Tình hình, kết quả thực hiện các ngành kinh tế của xã

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã (theo giá so sánh 2010) ước tính 9 tháng đầu năm 2025 đạt 703,77 tỷ đồng, đạt 75,55% so kế hoạch đề ra. Trong mức tăng trưởng chung của xã, so với 9 tháng cùng kỳ năm 2024, ngành nông lâm thủy sản tăng 5,9% (đạt 78% kế hoạch năm); ngành công nghiệp và xây dựng tăng 11,3% (đạt 75,06% kế hoạch năm); ngành thương mại và dịch vụ tăng 9,8% (đạt 74,02% kế hoạch năm). Trong đó:

Ngành Công nghiệp - Xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá nhờ triển khai các công trình, dự án trên địa bàn xã ; đặc biệt là dự án Quốc lộ 14E.

Ngành Thương mại - Dịch vụ phục hồi mạnh, hoạt động tại các chợ, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống sôi động.

Ngành Nông - Lâm - Thủy sản cơ bản ổn định, nhưng chịu ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi và thời tiết thất thường.

2. Tình hình Nông nghiệp - Môi trường

Tổng giá trị ngành nông - lâm - thủy sản ước tính 9 tháng đầu năm 2025 đạt **189,68/243,18** tỷ đồng, đạt **78%** so với cơ cấu ngành theo kế hoạch năm 2025 (tính theo giá so sánh 2010).

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp:

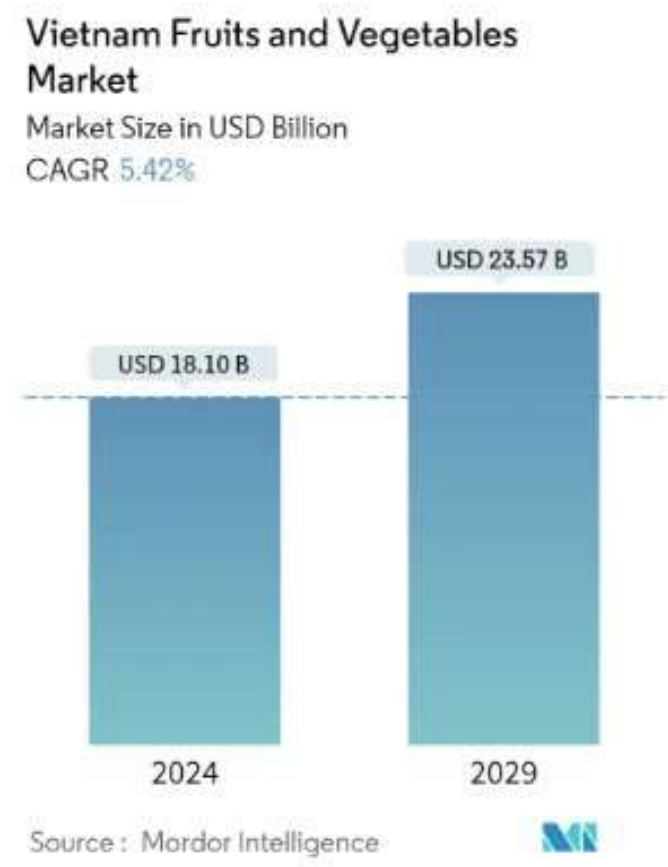
UBND xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng, phát hiện và xử lý kịp thời; thông báo, hướng dẫn các biện pháp phòng trừ bệnh trên cây trồng, con vật nuôi rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức phun tiêu độc khử trùng trên địa bàn xã, đồng thời tổ chức tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng đợt 2 năm 2025, nguồn vắc xin hỗ trợ từ Trung ương.

Phối hợp điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2025, xây dựng báo cáo tổng kết theo quy định; triển khai điều tra diện tích cây trồng trên địa bàn xã theo quy định. Thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã Đồng Dương; chủ động triển khai các giải pháp phòng, chống thiên

tai; phòng, chống hạn, ngăn mặn; đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi; chủ động thực hiện công tác phòng chống cháy rừng.

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

2.1. Quy mô thị trường rau củ quả Việt Nam



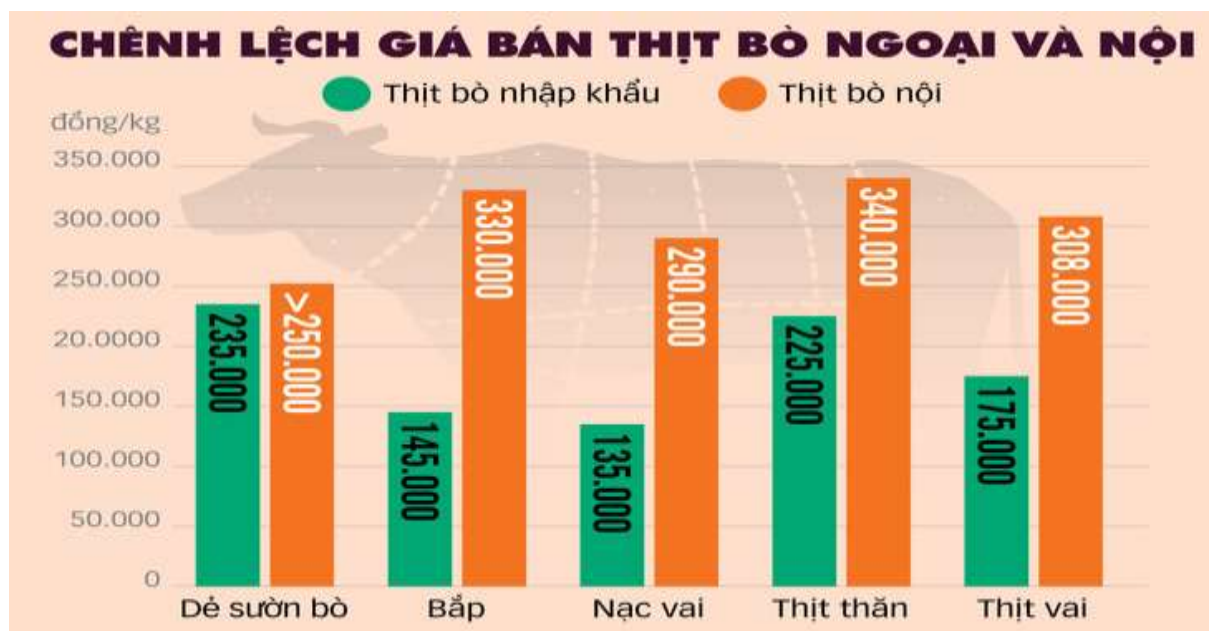
Quy mô thị trường rau quả Việt Nam dự kiến sẽ tăng từ 17,17 tỷ USD vào năm 2023 lên 22,36 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ CAGR là 5.42% trong giai đoạn dự báo (2023-2028)

Trong ngắn hạn, nhu cầu ngày càng tăng đối với trái cây và rau quả Việt Nam giữa các nước như Trung Quốc và Hàn Quốc và sự gia tăng số lượng các hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy xuất khẩu rau quả trong khu vực là một số yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thị trường. Hơn 5.42% tổng xuất khẩu rau quả của Việt Nam là dành cho Trung Quốc. Trong những năm gần đây, xuất khẩu đã giảm do sự gián đoạn trong việc thắt chặt các tiêu chuẩn nhập khẩu trái cây và rau quả

của Trung Quốc. Tuy nhiên, nỗ lực của Việt Nam để mở rộng xuất khẩu sang các thị trường như Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Nhật Bản, đã mở ra cơ hội cho trái cây và rau quả. Riêng doanh thu từ trái cây tươi được định giá 6,49 tỷ USD trong năm 2022, tăng 5.42% so với năm 2021

2.2. Thị trường bò thịt

Trong những năm gần đây, thịt bò ngày càng chiếm vị trí quan trọng hơn trong bữa ăn của người Việt. Nếu như trước đây thịt bò được xem là món ăn cao cấp, thịnh thoảng mới xuất hiện trong mâm cơm, thì nay đã trở nên phổ biến hơn, nhất là tại các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng hay Cần Thơ. Sự thay đổi này đến từ nhiều yếu tố: thu nhập bình quân đầu người tăng, người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn đến dinh dưỡng và sức khỏe, cùng với xu hướng dịch chuyển khẩu phần ăn từ thịt lợn sang các loại thịt đỏ giàu protein, ít chất béo xấu hơn.



Giá thịt bò trong nước và nhập khẩu

Tóm lại, thị trường thịt bò tại Việt Nam đang ở trong giai đoạn chuyển mình. Thách thức từ cạnh tranh nhập khẩu là rõ ràng, nhưng đồng thời cũng là động lực để ngành chăn nuôi trong nước tái cơ cấu, hướng đến những mô hình hiệu quả hơn. Với dân số gần 100 triệu người và xu hướng tiêu dùng tiến bộ, thị trường này sẽ tiếp tục là điểm sáng cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp chăn nuôi, chế biến và phân phối trong những năm tới.

III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án

Diện tích đất của dự án gồm các hạng mục như sau:

Bảng tổng hợp danh mục các công trình xây dựng và thiết bị

3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư

(ĐVT: 1000 đồng)

Ghi chú: Dự toán sơ bộ tổng mức đầu tư được tính toán theo Quyết định 409/QĐ-BXD của Bộ xây dựng ngày 11 tháng 04 năm 2025 về Công bố Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Phụ lục VIII về định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng của thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng (Sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 và thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Bộ Xây dựng).

IV. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.1. Địa điểm khu đất thực hiện dự án

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp” được thực hiện tại, Thành phố Đà Nẵng.

Vị trí thực hiện dự án

- Diện tích dự kiến sử dụng: **49.709,9 m² (4,97 ha)**.
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: **49.709,9 m² (4,97 ha)** (đã trừ diện tích đất thuộc lộ giới và diện tích đất không phù hợp quy hoạch);
- *Vị trí địa lý khu đất:*

Vị trí thực hiện dự án

Sơ đồ thửa đất

Sơ đồ trích lục thửa đất

4.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm.

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất của dự án

Bảng cơ cấu nhu cầu sử dụng đất

4.4. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất

4.5. Hình thức đầu tư

Dự án được đầu tư theo hình thức xây dựng mới.

V. SỰ PHÙ HỢP ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Vị trí, diện tích, ranh giới dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp” Nhà đầu tư đề xuất được thực hiện tại Thành phố Đà Nẵng, với diện tích **49.709,9 m² (4,97ha)**. Dự án sẽ đăng ký thực hiện dự án và đăng ký kế hoạch sử dụng đất tại Thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

VI. NHU CẦU CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án

Các yếu tố đầu vào như nguyên vật liệu, vật tư xây dựng đều có bán tại địa phương và trong nước nên các yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình thực hiện là tương đối thuận lợi và đáp ứng kịp thời.

Đối với nguồn lao động phục vụ quá trình hoạt động sau này, dự kiến sử dụng nguồn lao động của gia đình và tại địa phương. Nên cơ bản thuận lợi cho quá trình thực hiện.

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH



Bảng tổng hợp quy mô diện tích xây dựng công trình

+ Mật độ xây dựng: 9.54%

+ Hệ số sử dụng đất: 0.095 lần.

II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

2.1. Chọn giống bò

Chọn giống bò thịt

Giống là một trong những vấn đề quan trọng nhất, giống khác nhau thì tốc độ sinh trưởng phát triển tích lũy thịt, mỡ cũng khác nhau. Hiện nay trên thế giới nhiều giống bò có tỉ lệ thịt sẻ tới 70%, tỉ lệ thịt tinh trên 50%, giá trị dinh dưỡng thịt rất cao và thơm ngon. Do đó ngoài các giống bò chuyên thịt cũng nên chọn

lọc những con bê đực khỏe mạnh đưa vào nuôi dưỡng với một chế độ thích hợp để vỗ béo tăng lượng thịt chất lượng cao góp phần nâng cao thu nhập.



Bò đực Lai Sind rất thích hợp cho chăn nuôi vỗ béo

2.2. Xây dựng chuồng trại

Làm chuồng

Chuồng nuôi nhốt bò cần đảm bảo ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè, nền chuồng không trơn trượt, có độ dốc để thoát nước, luôn khô ráo đảm bảo thuận tiện trong khâu chăm sóc quản lý nuôi dưỡng. Máng ăn và uống của bò nên làm bằng xi măng, đặt theo chiều dài hành lang chuồng để tiện cho việc phân phối thức ăn. Cần làm lưới che cho bò không bị ruồi muỗi quấy phá nhất là vào mùa mưa, nếu không tận dụng phân bò làm hầm Bioga có thể chia chuồng bò thành 2 khu riêng biệt. Một bên nuôi bò và một bên chứa phân tươi để bán.

Vệ sinh chuồng bò vào mỗi buổi sáng sớm để đảm bảo bò luôn được sạch sẽ và lưu ý trong nuôi bò vỗ béo tránh để bò di chuyển nhiều khi dọn vệ sinh đồng thời cố định vị trí mỗi con bò, hạn chế di chuyển bò.

Rãnh thoát nước

Máng ăn, uống:

Tường chuồng:

Tường chuồng có thể tận dụng các vật liệu có sẵn như tre, nứa, hoặc nếu có điều kiện bạn có thể sử dụng chất liệu tốt như kim loại, inox để tăng độ bền cho chuồng nhưng tốt nhất vẫn là gạch vì gạch có thể giữ ấm cho vật nuôi vào mùa lạnh. Tuy nhiên, chuồng trại nên có cửa vững chắc và kín để có thể che chắn mưa gió cũng như thời tiết lạnh vào những ngày mùa đông.

Mái chuồng:

Là bộ phận giúp che mưa nắng cho vật nuôi nên mái chuồng là một phần không thể thiếu trong quá trình xây dựng chuồng trại. Mái chuồng nên có độ cao từ 3.2-3.5m và cần có độ dốc để thuận tiện cho việc thoát nước. Chiều dài hợp lý nhất của mái chuồng là vừa đến nơi có rãnh thoát nước, điều này đảm bảo cho chỗ ở của vật nuôi luôn được khô ráo, thoáng mát.

Chất liệu để làm mái chuồng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình. Có nhiều loại chất liệu có thể sử dụng làm mái che như tấm fibro, tôn thay thậm chí chỉ là mái tranh. Tuy nhiên, tốt hơn cả là gạch ngói vì gạch ngói có khả năng chống nóng tốt nhất cho vật nuôi nhưng chi phí rất cao.

Hố phân:

Về cơ bản, hố phân thường được xây dựng ngay gần chuồng để thuận tiện cho việc vận chuyển. Khi xây dựng hố phân cần lát gạch, tráng xi măng và bắt buộc phải có nắp đậy đầy đủ để đảm bảo vệ sinh môi trường.

Nhà kho chứa thức ăn:

Trong chăn nuôi gia súc nhai lại nói chung và bò thịt nói riêng kho chứa cỏ khô và rơm khô rất quan trọng. Nhà kho cần xây ở vị trí thuận lợi và gần với chuồng trại để thuận lợi cho việc cho ăn.

2.3. Kỹ thuật chăn nuôi bò thịt

Phân nhóm nuôi riêng và thiến bê đực sau cai sữa để vỗ béo.

Tăng cường lượng thức ăn tiêu thụ từ giai đoạn sau cai sữa bằng cách tạo điều kiện ngon miệng tối đa.

Tăng cường thức ăn tinh, đặc biệt là thức ăn cung cấp nhiều năng lượng như rỉ mật hoặc khoai mì lát trong giai đoạn vỗ béo tích cực (4 tháng trước khi xuất bán).

2.3.1. Vỗ béo bò:

Trước khi giết mổ bò phải được vỗ béo. Thời gian vỗ béo từ 60 – 90 ngày.

+ Kỹ thuật ủ rom với Urê chăn nuôi bò thịt

Lợi dụng đặc điểm bộ máy tiêu hóa của trâu, bò có thể chuyển hóa đạm vô cơ của urê thành nguồn đạm cho cơ thể, bà con nông dân nên áp dụng phương pháp ủ rom với urê rất đơn giản:

– Nguyên liệu gồm: 100kg rom khô, 100 lít nước sạch; 4kg urê.

– Cho urê hòa tan trong nước rồi dùng bình tưới tưới đều lên rom khô theo từng lớp, sau đó ủ rom trong bao ni lông hoặc bể gạch đậy kín.

– Sau 7 ngày lấy dần dần cho bò ăn, tập cho bò ăn 3 – 5 ngày đầu, ăn quen mỗi ngày ăn 5 – 7kg/con.

2.4. Quy trình chăn thả và lượng thức ăn bổ sung tại chuồng

2.4.1. Quy trình chăn thả

2.4.2. Lượng thức ăn bổ sung

Các loại thức ăn bổ sung có thể sử dụng gồm: rom khô, vỏ khoai mì, khoai mì lát, rỉ mật và cám hỗn hợp. Ngoài ra, cần bổ sung thêm đá liềm cho bò.

Tùy giai đoạn sinh lý, thể trạng mà tính toán lượng thức ăn cần bổ sung cho đàn bò. Bình quân mỗi con bò cần bổ sung khoảng 16 kg cỏ xanh, 3,4 kg thức ăn thô khô, 1,5 kg rỉ mật, 0,3 kg cám hỗn hợp hoặc khoai mì lát và đá liềm tự do.

2.4.3. Quy trình vệ sinh thú y

Một số nguyên tắc chung về vệ sinh chăn nuôi:

Giữ đàn bò nuôi trong môi trường được bảo vệ:

+

Kiểm soát mọi thứ ra vào khu vực chăn nuôi:

Sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn cho người sử dụng:

+ Thời gian ngưng thuốc trước khi bán để giết mổ đúng quy định.

+ Có sổ sách ghi chép thời gian dùng vắc-xin và thuốc phòng trị bệnh cụ thể của từng đàn, cá thể.



2.4.4. Giải quyết nguồn thức ăn

Thiết lập đồng cỏ chăn thả: chọn giống cỏ sả lá nhỏ và cỏ Ruzi với mật độ gieo sạ là 10 kg hạt/ha mua từ Trung tâm Nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi Gia súc lớn (NC&HLCNGSL).

2.5. Kỹ thuật Phòng và trị bệnh nuôi bò

2.5.1. Viêm âm đạo

Sau khi đẻ bò thường bị viêm âm đạo do bị nhiễm trùng gây ra. Nặng là viêm tử cung và cổ tử cung như một chứng nhiễm trùng thứ phát. Viêm âm đạo cũng có thể xuất hiện vào thời kỳ hồi phục sau đẻ, do nhiễm trùng khi phối giống tự nhiên.

2.5.2. Bệnh viêm tử cung

Bệnh viêm nhiễm tử cung thường diễn ra rất nhiều, tuy nhiên bà con khá mà nhận biết được bò mình bị mắc chứng bệnh này. Bệnh xảy ra khi có một số lượng lớn vi khuẩn hoặc các vi khuẩn đặc trưng, có độc tính cao tấn công. Nhìn chung, tác nhân chủ yếu của bệnh là các liên cầu khuẩn, tụ cầu khuẩn, E.coli hoặc Actinomyces pyogenes.

Nguyên nhân :

Triệu chứng:

Triệu chứng bệnh thay đổi tùy theo từng trường hợp và mức độ trầm trọng của chứng viêm. Thông thường có thể thấy gia súc bị sốt, kém ăn, trông có vẻ buồn ngủ, mạch đập và tần số hô hấp tăng lên, gia súc gầy đi nhanh chóng. Có dịch màu nâu đậm, mùi khó chịu, lẫn mủ và lẫn các mẩu mô tế bào chảy ra từ âm đạo. Khi sờ nắn qua trực tràng thấy tử cung phồng lên.

Trong trường hợp viêm tử cung do thụ tinh nhân tạo có thể thấy các triệu chứng của viêm phúc mạc. Khi đó nếu sờ qua trực tràng cảm giác thấy bề mặt tử cung sần sùi.

Chẩn đoán

Chẩn đoán bệnh cần dựa vào các dấu hiệu nêu trên, kết hợp với sờ nắn qua trực tràng. Cũng có thể soi âm đạo như một phương pháp hỗ trợ cho chẩn đoán và khi đó thấy niêm mạc âm đạo hồng nhạt, dịch mủ chảy ra từ lỗ cổ tử cung. Soi âm đạo còn cho phép phân biệt giữa viêm nội mạc tử cung với nhiễm trùng cổ tử cung, viêm âm đạo, áp-xe quanh âm đạo hoặc với viêm đường âm đạo-tiết niệu...

Điều trị:

Đối với chứng viêm tử cung, tiến hành điều trị theo ba bước như sau:

Phòng bệnh

Phòng bệnh lúc nào cũng hơn chữa bệnh, điều này sẽ giúp ích rất nhiều trong việc chăn nuôi. Cần chú ý chăm sóc, nuôi dưỡng bò cái hợp lý, nên chăn thả

trên bãi hoặc cho bò vận động. Khẩu phần dinh dưỡng phải cân đối, phù hợp với nhu cầu, nhất là trong thời kỳ mang thai cuối.

Nên tham gia các khóa học về đỡ đẻ cho bò và tuân thủ các quy tắc vệ sinh trong thời kỳ bò đẻ. Khi trong đàn có một gia súc bị viêm tử cung, cần điều trị tích cực và nuôi tách riêng với những con khác để tránh lây nhiễm qua dịch, mủ.

2.5.3. Ngộ độc ở bò

Khi bò ngộ độc ít diễn ra, tuy nhiên càng môi trường bị ô nhiễm dẫn đến bò dễ bị ngộ độc chủ yếu là do ăn uống và sống trong môi trường bẩn và ô nhiễm. Bò bị ngộ từ thuốc bảo vệ thực vật, chất thải từ các nhà máy công nghiệp, nhiễm các nguồn nước, các bãi chăn thả bò và ô nhiễm ngay cả các loại sản phẩm-phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn cho bò, làm cho bò có thể bị nhiễm độc cấp tính hoặc nhiễm độc trường diễn

Triệu chứng:

Tùy theo từng loại hoá chất và liều lượng mà bò ăn hoặc uống phải, các hoá chất này gây tác động với các mức độ khác nhau lên thần kinh trung ương, lên hệ thống tiêu hoá và các cơ quan khác của cơ thể.

Chẩn đoán:

Chẩn đoán bệnh dựa vào các triệu chứng lâm sàng như mô tả trên. Cần phân biệt với trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm cấp tính: khi bị bệnh truyền nhiễm luôn luôn có sốt cao

Trong chẩn đoán bệnh, cần kết hợp xem xét các nguy cơ gây ra ngộ độc đồng thời xét nghiệm thức ăn và nguồn nước để tìm chất độc

Điều trị:

Việc xét nghiệm tìm ra chất độc mà bò bị nhiễm rất quan trọng, nó cho phép áp dụng biện pháp giải độc và điều trị thích hợp. Tuy nhiên, trong trường hợp cấp bách, khi chưa xác định được loại chất độc và dựa vào các dấu hiệu lâm sàng ta có thể điều trị theo phác đồ sau đây :

Phòng bệnh:

Hàng ngày cần chú ý kiểm tra thức ăn, nguồn nước dùng cho bò, nếu phát hiện mùi lạ thì phải loại bỏ hoặc cách ly, không cho bò đến gần. Ở những cánh đồng có phun thuốc trừ sâu cần chờ đợi thời gian khoảng 10 ngày cho thuốc kịp phân huỷ, trước khi thu cắt cho bò. Nhìn chung, cỏ thu cắt về trước khi cho bò ăn cần rửa sạch sẽ, phơi tái.

2.5.4. Bệnh chướng bụng đầy hơi khó tiêu

Chướng bụng đầy hơi khó tiêu là chướng bệnh thường nhiều nhất ở bò. Nguyên nhân do bò ăn nhiều cỏ non, đặc biệt là vào đầu mùa mưa. Hoặc do bò ăn phải các loại thức ăn bị thối, mốc, thức ăn quá chua hoặc do thay đổi thức ăn đột ngột. Trong số thức ăn xanh có một số loại dễ lên men như cải bắp, lá su hào, dưa chuột, dưa gang.

Triệu chứng:

Các loại thức ăn vào dạ cỏ, bị lên men và sinh ra nhiều hơi, bụng gia súc căng to dần (đặc biệt phía bên trái). Dùng tay gõ vào vùng trên dạ cỏ, tiếng kêu như tiếng trống, tim đập gấp, yếu. Bò biếng ăn, không nhai lại, đứng lên nằm xuống bứt dứt, khó chịu, nét mặt lo lắng, hay nhìn về phía sườn và thở khó khăn. Khi bị nặng bò không đứng được, nằm nghiêng, bốn chân bơi bơi, bí đái, bí ỉa. Nếu không xử lý kịp thời, bò bị chết trong vòng vài giờ do ngạt thở.

Điều trị:

Phải điều trị kịp thời, nếu để chậm con vật có thể bị ngạt và chết. Tùy theo mức độ bệnh nặng hay nhẹ mà áp dụng các biện pháp sau đây:

–

Phòng bệnh:

– Cỏ non, đặc biệt là sau khi mưa, nên thu cắt và cho ăn tại chuồng, trước khi cho ăn cần rửa sạch và phơi tái.

– Trường hợp chẳng may thức ăn bị hỏng phải loại bỏ, không cho bò ăn. Bảo quản tốt thức ăn cho bò, tránh thối mốc.

– Không thay đổi các loại thức ăn một cách đột ngột mà phải thay đổi từ từ và có giai đoạn chuyển tiếp.

2.5.5. Bệnh lở mồm long móng

Bệnh lở mồm long móng do virút hướng thượng bì gây ra. Ở Việt Nam bệnh này bùng phát vào những năm 2010 rất nhiều và rất bò trâu đã chết do không chữa trị kịp thời. Đây là bệnh cấp tính, lây lan rất nhanh, mạnh trên diện rộng, có đặc điểm là sốt và hình thành các mụn nước ở miệng, chân và vú.

Triệu chứng

Khi mắc chứng bệnh bò sẽ bị sốt cao trên 40 độ C, thường ủ rũ, bỏ ăn, giảm hẳn lượng sữa. Ở bò, thời gian ủ bệnh khoảng 3-6 ngày. Sau đó nhiệt độ giảm, bò có các biểu hiện viêm miệng cấp tính, miệng sưng, nước bọt chảy ra nhiều, thành những sợi dài xoắn vào nhau, bám xung quanh môi. Miệng mím chặt lại nên có tiếng kêu lép lép đặc trưng.

Chẩn đoán:

Bác sĩ thú y sẽ xác định chính xác lở mồm long móng ở bò nuôi. Trong chẩn đoán, cũng cần căn cứ vào động vật cảm nhiễm để phân biệt lở mồm long móng với một số bệnh khác. Ví dụ, bệnh viêm mụn nước ở miệng, ngoài trâu, bò, dê, cừu còn thấy ở ngựa; bệnh mụn nước ở lợn chỉ có ở lợn...

Phòng và trị bệnh:

Vì mầm bệnh là virút nên thực tế không thể điều trị được và cho đến nay không có thuốc điều trị đặc hiệu. Bệnh tự khỏi nếu các tổn thương không bị nhiễm các vi khuẩn gây bệnh khác. Do đó cách điều trị tốt nhất là rửa bằng các chất sát trùng nhẹ hoặc sử dụng dấm, khế, chanh và bảo vệ vết thương để ngăn cản bội nhiễm.

2.5.6. Bệnh tụ huyết trùng

Đây là bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn tụ huyết trùng gây ra. Bệnh phát quanh năm, nhưng tập trung chủ yếu vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 9

2.5.7. Bệnh sán lá gan

Bệnh sán lá gan là bệnh ký sinh do một sán lá (hình bầu dục, dẹt như một chiếc lá, màu nâu xám) sống trong gan loài nhai lại gây ra. Sán lá trưởng thành ký sinh trong gan, chúng đẻ ra trứng, trứng theo đường mật vào ống tiêu hoá để rồi được thải ra ngoài theo phân.

2.5.8. Bệnh giun đũa ở bê

Ở nước ta, bệnh thường phát vào mùa rét, tại các vùng nuôi bò thuộc đồng bằng, trung du, miền núi. Bệnh phổ biến hơn ở miền núi vì bê thường thả rông theo mẹ đi ăn. Bệnh do một loài giun đũa sống ký sinh trong tá tràng của bê gây nên. Bệnh chỉ phát ra ở bê, phổ biến ở lứa tuổi 20-25 ngày sau khi đẻ.

Triệu chứng và bệnh tích:

Bệnh kéo dài ít nhất là 5 ngày và dài nhất là 48 ngày, thường là 11-30 ngày. Bê thường chết 7-16 ngày sau khi phát bệnh. Khi bị bệnh, bê có dáng điệu lù đù, chậm chạp, đầu cúi, lưng cong, đuôi cụp, bụng to, lông xù. Đôi lúc con vật không muốn bú, không muốn ăn và thường nằm một chỗ

2.5.9. Công nghệ ủ hủ phân bò hữu cơ vi sinh OCT

Phân bò xử lý OCT là dòng sản phẩm được ứng dụng kỹ thuật công nghiệp cao với dây chuyền sản xuất hiện đại” Opening Composting Technology (OCT) của Đức.



Bước 2: Giai đoạn thu gom

Phân bò sau khi được xử lý men vi sinh được thu gom tập trung về khu xử lý, nhà màng ủ. Sau đó, tiến hành xử lý men vi sinh và đưa về độ ẩm 60-65%.



Bước 3: Giai đoạn ủ 21 ngày

Bước 4: Giai đoạn sàng lọc tạp chất

chất và đảm bảo độ ẩm 26-30% trước khi đóng vào bao bì phân phối ra ngoài thị trường.

Chất lượng và ưu điểm của phân bò xử lý OCT

2.5.10. Sử dụng phân bò nuôi trùn quế tạo phân vi sinh hữu cơ



Nhiệt độ

Độ ẩm

Ánh sáng

Trùn rất sợ ánh nắng nên ta cần phải che chắn chuồng thật kỹ vào ban ngày để tránh tia tử ngoại lọt vào chuồng. Tuy nhiên cần phải giữ cho chuồng thoáng mát.

Không khí

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633



Thức ăn

Nhân lưỡng

Thu hoạch



Phân vi sinh hữu cơ trùn quế

2.6. Nuôi bò theo công nghệ: Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học

2.6.1. Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học

Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học là một hình thức nuôi nhốt gia súc, gia cầm trên một nền đệm lót được làm bằng nguyên liệu có độ tro cao (không bị nước làm nhũn nát như: trấu, mùn cưa, phoi bào, rơm, rạ....) trộn với một hệ vi sinh vật (men vi sinh) để phân hủy phân, nước tiểu giảm khí độc và mùi hôi chuồng nuôi tạo môi trường trong sạch không ô nhiễm. Phương thức chăn nuôi này hiện đang được khuyến khích phát triển, được coi là hướng đi bền vững của ngành chăn nuôi ở Việt Nam.

Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học tại Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau, như: chăn nuôi không chất thải, chăn nuôi tự nhiên, chăn nuôi sinh thái, chăn nuôi trên đệm lót dày...

2.6.2. Thành phần lớp đệm lót



Mùn cưa



Vỏ trấu

2.6.3. Vai trò của hệ vi sinh vật

Tiêu hủy phân, nước tiểu

Khử mùi

Mùi trong quá trình chăn nuôi sinh ra chủ yếu là quá trình lên men chất thải (ở trong ruột già và ngoài môi trường) của vi sinh vật thối rữa gây ra. Một số vi sinh vật trong chất độn chuồng sử dụng các khí độc làm nguồn dinh dưỡng cho quá trình sinh trưởng và phát triển của mình. Hệ vi sinh vật trong độn lót với ưu

thể về số đông sẽ ức chế và diệt các vi sinh vật gây thối theo hình thức cạnh tranh: lên men triệt để các chất hữu cơ giải phóng năng lượng tạo các sản phẩm CO₂, nước... không có mùi. Bên cạnh đó, một số sản phẩm phụ của quá trình lên men có tác dụng khử mùi như axit hữu cơ giúp trung hòa và cố định NH₃, rượu giúp trung hòa mùi lạ... Nhờ vậy, mùi hôi trong chuồng nuôi được giảm thiểu.

Bảo vệ và cung cấp dinh dưỡng

2.6.4. Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học trong chăn nuôi bò



Đàn bò sinh sản luôn khỏe mạnh khi được nuôi trên nền đệm lót sinh học

bệnh cho bò. Việc sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi bò sẽ giảm được mùi hôi, đảm bảo an toàn dịch bệnh; làm ấm phần chân, bụng cho bò giúp bò tiêu hóa tốt, giảm đáng kể tình trạng chướng bụng, bệnh lở mồm long móng, giúp người chăn nuôi hạn chế việc sử dụng thuốc thú y. Đặc biệt, sử dụng đệm lót sinh học cho bò sinh sản sẽ xử lý dứt điểm tình trạng bò mẹ mang thai, bê con bị ngã do trơn trượt.

2.7. Kỹ thuật trồng cỏ chăn nuôi bò

Trung bình, cứ 1ha đồng cỏ thâm canh sẽ đủ cung cấp cho 22 - 25 con bò sử dụng thuần thức ăn là cỏ, dự án trồng 38,1ha cỏ sẽ tự chủ thức ăn được cho

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

838 - 952 con bò nếu sử dụng thuần thức ăn là cỏ (tùy từng loại cỏ). Vì vậy, ngoài sử dụng cỏ làm thức ăn nuôi bò, dự án còn sử dụng các loại thức ăn thô, tinh bột và phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn bổ sung cho bò, bên cạnh đó, dự án cũng thu mua cỏ từ các trang trại trồng cỏ lớn để cung cấp đủ lượng cỏ xanh cần thiết cho đàn bò (2500 con bò thịt, 1000 con bò sinh sản và 1000 bê con).

2.7.1. Các loại cỏ

a) Cỏ Mulato II



Trồng cỏ voi làm thức ăn chăn nuôi

Năng suất chất xanh của cỏ voi rất cao. Tùy vào trình độ thâm canh, mà năng suất của cỏ voi có thể biến động từ 100 – 400 tấn/năm đối với 1 ha.

b) Cỏ VA06



Cỏ VA06 là giống cỏ được lai tạo giữa cỏ voi và cỏ đuôi sói của Châu Mỹ, được đánh giá là vua các loại cỏ.

c) Cỏ Mombasa Ghine (Cỏ sả lá lớn)



2.7.2. Sử dụng máy móc, thiết bị cao trong trồng cỏ và chăn nuôi bò

a) Hệ thống tưới nhỏ giọt công nghệ Israel



Hệ thống tưới nhỏ giọt công nghệ Israel

Công nghệ tưới nhỏ giọt Israel đã đáp ứng được tiêu chí tiết kiệm tối đa, nước được đưa tới từng gốc cây, nhỏ chậm từng giọt thấm vào đất và đi đến rễ cây cung cấp nước cho cây.

Hệ thống tưới nhỏ giọt công nghệ Israel thông minh này được điều khiển qua máy tính kết hợp cảm biến tự động đóng mở van tưới khi phát hiện độ ẩm của rễ cây đạt mức tối đa.

Hệ thống này còn đảm nhận luôn nhiệm vụ bón phân cung cấp dưỡng chất tới rễ cây bằng cách hòa phân bón vào bể chứa nước rồi vận chuyển tới từng bộ rễ.

Những mặt lợi khi áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt Israel so với hệ thống tưới khác:

- ✓ Nước được cây trồng hấp thụ tối đa
- ✓ Điện năng tiêu tốn ít nhất
- ✓ Bảo trì hệ thống thấp nhất
- ✓ Hiệu quả sử dụng phân bón cao nhất

✓ Giảm thiểu nước đọng tại thân lá, hay xung quanh, tránh tạo môi trường ẩm ướt cho sâu bệnh phát triển

✓ Cải thiện năng suất và sản lượng tốt hơn

Thay vì phải tưới 1- 2 lần trong ngày, lượng nước phải dùng rất để đảm bảo đầy đủ. Tuy nhiên có những thời điểm đất vẫn khô do nước bay hơi rất nhanh trên bề mặt đất rộng.

Công nghệ tưới nhỏ giọt đã khắc phục được điểm yếu này của công nghệ tưới truyền thống, lượng nước tiết kiệm đạt tới 60% mà luôn cung cấp đủ lượng nước cho cây trồng.

Ngoài ra nước đưa đến tận gốc cây sẽ hạn chế lượng nước đọng trên thân, cành, lá. Giúp hạn chế nấm bệnh hại cây trồng sinh ra từ môi trường ẩm ướt.

Hệ thống tưới phun

Cấu tạo của hệ thống tưới phun:

- Máy bơm để tạo áp
- Động cơ: Có thể dùng động cơ điện hoặc động cơ Diesel
- Hệ thống đường ống: Nước từ nguồn được dẫn đến khu tưới bằng đường ống chính và ống nhánh. Trên các ống nhánh người ta lắp các vòi phun nhân tạo để cung cấp nước cho cây trồng.

- Có 02 loại đường ống thường dùng: Đường ống cố định và bán cố định:

+ *Hệ thống tưới phun với đường ống cố định:*

Hệ thống ống dẫn được bố trí cố định dưới đất, vòi phun có thể bố trí cố định hoặc di động

+ *Hệ thống tưới phun bán cố định:*

Ở hệ thống này, trạm bơm hoặc công trình tạo nguồn có đầu nước địa hình cố định và đường ống chính cố định, còn đường ống nhánh và vòi phun di động. Trên mỗi ống nhánh có từ 2 - 10 vòi phun việc di động đường ống nhánh có thể bằng thủ công hoặc cơ giới. Hiện nay, phương thức cơ giới được sử dụng nhiều vì giảm được nhân lực lại có năng suất cao.

- Vòi phun: (có hai loại)

+ *Vòi phun li tâm:*



Nước từ lỗ phun ra với một áp lực nhất định vào đỉnh chóp và bật trở lại thành những giọt mưa phân bố trên một diện tích hình tròn. Do tốc độ li tâm và tốc độ quay sau khi tia nước tách khỏi miệng vòi sẽ phân tán đều theo các phía, dưới tác dụng của lực cản không khí, tia nước phân nhỏ thành những hạt mưa theo bốn phía của đầu phun. Đặc điểm loại này là khi áp lực không lớn; mức độ phân bố mưa vẫn tốt. Do vậy, loại vòi phun này có thể dùng cho áp lực thấp và tầm phun gần.

+ *Vòi phun tia:*



Nguyên lý làm việc của loại vòi phun này là dòng nước áp lực từ miệng vòi phun bắn ra gặp sức cản của không khí phân tán thành những hạt mưa phân bố đều trên một diện tích hình tròn.

Để dòng nước phun được xa, trong ống phun lớn thường bố trí thiết bị chỉnh dòng. ở máy phun áp lực lớn người ta thường bố trí hai loại vòi phun. Vòi lớn có tác dụng phun xa, vòi nhỏ phun gần. Như vậy đảm bảo được mật độ phun đồng đều. Loại vòi phun này thường có áp lực lớn và tầm phun xa.

b) Máy móc phục vụ nông nghiệp

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633



Máy thu hoạch cỏ liên hợp

Máy băm cỏ cho bò



Máy xới đất

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633



Máy cày

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633



Máy ủi, xúc lật



Máy ép tách phân bò



Máy trộn rải thức ăn di động cho bò

Ngoài ra còn một số thiết bị vận tải, vận chuyển chuyên dụng khác phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án.

2.8. Kỹ thuật ủ chua thức ăn xanh

a) Nguyên lý ủ chua thức ăn xanh

b) Kỹ thuật ủ chua thức ăn

Ngọn lá mía và các loại cỏ làm thức ăn khác

c) Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thức ăn ủ chua

- Thành phần nguyên liệu

CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1.1. Chuẩn bị mặt bằng

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai theo quy định hiện hành. Ngoài ra, dự án cam kết thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của các cơ quan ban ngành và luật định.

1.2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Khu vực lập Dự án không có dân cư sinh sống nên không thực hiện việc tái định cư.

1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Dự án chỉ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan đến dự án như đường giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông nội bộ trong khu vực.

II. PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

2.1. Các phương án xây dựng công trình

Các danh mục xây dựng công trình phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định về thiết kế xây dựng. Chi tiết được thể hiện trong giai đoạn thiết kế cơ sở xin phép xây dựng.

2.2. Các phương án kiến trúc

Căn cứ vào nhiệm vụ các hạng mục xây dựng và yêu cầu thực tế để thiết kế kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng. Chi tiết sẽ được thể hiện trong giai đoạn lập dự án khả thi và Bản vẽ thiết kế cơ sở của dự án. Cụ thể các nội dung như:

1. Phương án tổ chức tổng mặt bằng.
2. Phương án kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng.
3. Thiết kế các hạng mục hạ tầng.

Trên cơ sở hiện trạng khu vực dự án, thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với các thông số như sau:

✓ Hệ thống giao thông

Xác định cấp đường, cấp tải trọng, điểm đầu nối để vạch tuyến và phương án kết cấu nền và mặt đường.

✓ Hệ thống cấp nước

Xác định nhu cầu dùng nước của dự án, xác định nguồn cấp nước sạch (hoặc trạm xử lý nước), chọn loại vật liệu, xác định các vị trí cấp nước để vạch tuyến cấp nước bên ngoài nhà, xác định phương án đi ống và kết cấu kèm theo.

✓ Hệ thống thoát nước

Tính toán lưu lượng thoát nước mặt của từng khu vực dự án, chọn tuyến thoát nước mặt của khu vực, xác định điểm đầu nối. Thiết kế tuyến thu và thoát nước mặt, chọn vật liệu và các thông số hình học của tuyến.

✓ Hệ thống xử lý nước thải

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ xử lý hiện đại, tiết kiệm diện tích, đạt chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống tiếp nhận.

✓ Hệ thống cấp điện

Tính toán nhu cầu sử dụng điện của dự án. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của từng tiểu khu để lựa chọn giải pháp thiết kế tuyến điện trung thế, điểm đặt trạm hạ thế. Chọn vật liệu sử dụng và phương án tuyến cấp điện hạ thế ngoài nhà. Ngoài ra dự án còn đầu tư thêm máy phát điện dự phòng.

III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Dự án được chủ đầu tư trực tiếp tổ chức triển khai, tiến hành xây dựng và khai thác khi đi vào hoạt động.

Nguồn lao động: Công ty ưu tiên tuyển dụng, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, trong quá trình hoạt động sẽ tiếp tục đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ thuật sản xuất, đào tạo an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên.

Đối với lao động chuyên môn nghiệp vụ, chủ đầu tư sẽ tuyển dụng thêm và lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho con em trong vùng để từ đó về phục vụ trong quá trình hoạt động sau này.

Bảng tổng hợp Phương án nhân sự dự kiến (ĐVT: 1000 đồng)

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thu nhập bình quân/tháng	Tổng lương năm	Bảo hiểm 21,5%	Tổng/năm
1	Giám đốc	1	25.000	300.000	64.500	364.500
2	Ban quản lý, điều hành	1	15.000	180.000	38.700	218.700
3	Công nhân viên văn phòng	3	8.000	288.000	61.920	349.920
4	Bác sĩ thú y	1	12.000	144.000	30.960	174.960
5	Kỹ thuật viên	2	10.000	240.000	51.600	291.600
6	Công nhân trồng trọt và chăn nuôi	12	7.000	1.008.000	216.720	1.224.720
	Cộng	20	180.000	2.160.000	464.400	2.624.400

- Số lượng lao động trong nước: 20 lao động

- Số lượng lao động là người nước ngoài: 0 lao động.

IV. THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

4.1. Thời gian hoạt động của dự án

Thời gian hoạt động dự án: 20 năm kể từ ngày các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép đầu tư dự án và thời hạn này có thể được kéo dài thêm một khoảng thời gian nhất định theo yêu cầu của chủ đầu tư và được sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Tiến độ thực hiện của dự án

Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án là 12 tháng kể từ ngày cấp phép đầu tư dự án, trong đó các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư như sau:

- + Thời gian chuẩn bị đầu tư: 06 tháng
- + Thời gian xây dựng và hoàn thành dự án: 06 tháng.

CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Mục đích của công tác đánh giá tác động môi trường của dự án “*Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp*” là xem xét đánh giá những yếu tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận, để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm để nâng cao chất lượng môi trường hạn chế những tác động rủi ro cho môi trường và cho chính dự án khi đi vào hoạt động, đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Văn bản hợp nhất Luật Phòng cháy và chữa cháy số 46/VBHN-VPQH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 27 tháng 12 năm 2023;

- Văn bản hợp nhất Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 31/VBHN-VPQH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2018;

- Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2019;

- Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ: quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- TCVN 13606:2023 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình Yêu cầu thiết kế;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- TCVN 7957:2023 - Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 05:2023/BTNMT - Chất lượng không khí;

- QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc;

- QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc;

- QCVN 02:2019/BYT được ban hành kèm Thông tư số 02/2019/TT-BYT quy định về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình

Tác động đến môi trường không khí:

Quá trình xây dựng sẽ không tránh khỏi phát sinh nhiều bụi (ximăng, đất, cát...) từ công việc đào đất, san ủi mặt bằng, vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, pha trộn và sử dụng vôi vữa, đất cát... hoạt động của các máy móc thiết bị cũng như các phương tiện vận tải và thi công cơ giới tại công trường sẽ gây ra tiếng ồn. Bụi phát sinh sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân trên công trường và người dân lưu thông trên tuyến đường.

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công là không thể tránh khỏi. Tiếng ồn có thể phát sinh khi xe, máy vận chuyển đất đá, vật liệu hoạt động trên công trường sẽ gây ảnh hưởng đến người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển và người tham gia giao thông.

Tác động của nước thải:

Trong giai đoạn thi công cũng có phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Lượng nước thải này tuy không nhiều nhưng cũng cần phải được kiểm soát chặt chẽ để không làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án trong thời gian xây dựng cũng là một trong những tác nhân gây ô nhiễm môi trường nếu dòng chảy cuốn theo bụi, đất đá, xăng dầu và các loại rác thải sinh hoạt. Trong quá trình xây dựng dự án áp dụng các biện pháp thoát nước mưa thích hợp.

Tác động của chất thải rắn:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này gồm 2 loại: Chất thải rắn từ quá trình xây dựng và rác sinh hoạt của công nhân xây dựng. Các chất thải rắn phát

sinh trong giai đoạn này nếu không được quản lý và xử lý kịp thời sẽ có thể bị cuốn trôi theo nước mưa gây tắc nghẽn đường thoát nước và gây ra các vấn đề vệ sinh khác. Ở đây, phần lớn phế thải xây dựng (xà bần, cát, sỏi...) sẽ được tái sử dụng làm vật liệu san lấp. Riêng rác sinh hoạt rất ít vì lượng công nhân không nhiều cũng sẽ được thu gom và giao cho các đơn vị dịch vụ vệ sinh đô thị xử lý ngay.

+ Tác động đến hệ sinh thái, cảnh quan khu vực:

Quá trình thi công cần đào đắp, san lấp mặt bằng, bóc hữu cơ và chặt bỏ lớp thảm thực vật trong phạm vi quy hoạch nên tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan khu vực dự án, cảnh quan tự nhiên được thay thế bằng cảnh quan nhân tạo.

+ Tác động đến sức khỏe cộng đồng:

3.2. iai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

+ Tác động do bụi và khí thải:

Đối với dự án, bụi và khí thải sẽ phát sinh do các nguồn chính:

Từ hoạt động giao thông (các phương tiện vận chuyển ra vào dự án);

Từ quá trình hoạt động:

- + Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ, nhập liệu (nếu có);
- + Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất (nếu có);

Hoạt động của dự án luôn gắn liền với các hoạt động chuyên chở hàng hóa nhập, xuất kho và nguyên liệu. Đồng nghĩa với việc khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh ô nhiễm không khí từ các phương tiện xe chuyên chở vận tải chạy bằng dầu DO. Trong dầu DO có các thành phần gây ô nhiễm như Bụi, CO, SO₂, NO_x, HC...

Mức độ ô nhiễm này còn tùy thuộc vào từng thời điểm có số lượng xe tập trung ít hay nhiều, tức là còn phụ thuộc vào khối lượng hàng hóa nhập, xuất kho.

Tác động do nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt

Trong nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật. Theo WHO, khối lượng chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không xử lý) được thể hiện ở bảng sau:

Các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	g/người/ngày	45 – 54
2	COD	g/người/ngày	72 – 102
3	SS	g/người/ngày	70 – 145
4	Tổng N	g/người/ngày	6 – 12
5	Tổng P	g/người/ngày	0,8 – 4,0
6	Amoni	g/người/ngày	2,4 – 4,8
7	Dầu mỡ động thực vật	g/người/ngày	10 – 30
8	Tổng Coliform*	MPN/100ml	106 – 109

Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), năm 1993

*: Nguyễn Xuân Nguyên, *Nước thải và công nghệ xử lý nước thải*, năm 2003

Nếu nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý thích hợp thì chúng sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, đất, nước ngầm và là nguy cơ lan truyền bệnh cho con người và gia súc.

+ Nước mưa chảy tràn

Vào những hôm trời mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực của dự án sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ rơi rớt xuống kênh mương của khu vực. Nếu lượng nước này không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực lớn đến nguồn nước mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì nồng độ các chất ô nhiễm được dự báo như ở bảng sau:

Nồng độ một số chất ô nhiễm trong nước mưa

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ
1	COD	Mg/l	10-20
2	Chất rắn lơ lửng	Mg/l	10-20
3	Tổng Nitơ	Mg/l	0,5-1,5
4	Tổng phot pho	Mg/l	0,004 - 0,03

Nguồn: WHO,1993

Tác động do chất thải rắn

Các loại chất thải phát sinh tại dự án bao gồm:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên phân rác thải chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì đựng thức ăn hay đồ uống như hộp xốp, bao cà phê, ly sinh tố, hộp sữa tươi, đũa tre, ống hút, muỗng nhựa, giấy,...; cành, lá cây phát sinh từ hoạt động vệ sinh sân vườn trong khuôn viên của nhà máy. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1993), thì hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 0,5 kg/người/ngày

+ Chất thải nguy hại: Các chất thải rắn nguy hại phát sinh dính hóa chất trong quá trình hoạt động. Xăng xe, sơn, dầu mỡ tra máy trong quá trình bảo dưỡng thiết bị, máy móc; vỏ hộp đựng sơn, vecni, dầu mỡ; chất kết dính, chất bịt kín là các thành phần nguy hại đối với môi trường và con người.

IV. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG

4.1. Giai đoạn xây dựng dự án

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Các xe vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, được phủ bạt kín thùng xe để hạn chế gió gây phát tán bụi vào môi trường ảnh hưởng xung quanh.
- Hạn chế tốc độ lái xe ra vào khu vực và khu dự án nhằm đảm bảo an toàn giao thông khu vực và hạn chế cuốn theo bụi (tốc độ xe $\leq 15-20\text{km/h}$).

b. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải

✚ Giảm thiểu tác động nước thải sinh hoạt:

– Tăng cường tuyên dụng công nhân địa phương, có điều kiện tự túc ăn ở và tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công nhằm giảm lượng nước thải sinh hoạt của dự án

– Trong khu vực công trường, sẽ lắp đặt các nhà vệ sinh công cộng di động phục vụ công trường. Dự kiến chủ dự án sẽ kí hợp đồng thuê 2 nhà vệ sinh lưu động đồng thời sẽ khoán gọn cho đơn vị lắp đặt nhà vệ sinh chịu trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

– Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước thải. Đường thoát nước thải sinh hoạt tạm thời sẽ được đưa vào tuyến quy hoạch hay hệ thống thoát nước tùy theo từng giai đoạn xây dựng. Phải đảm bảo nguyên tắc không gây trở ngại, làm mất vệ sinh cho các hoạt động xây dựng cũng như không ảnh hưởng đến hệ thống kênh mương và các hoạt động dân sinh bên ngoài khu vực dự án.

✚ Giảm thiểu tác động của nước thải thi công xây dựng

– Xây dựng hệ thống rãnh thu, thoát nước tạm, hố lắng tạm thời khu vực thi công để thu và thoát nước thải thi công.

– Nước thải thi công xây dựng (nước thải vệ sinh thiết bị, dụng cụ lao động) chứa thành phần chính là chất rắn lơ lửng, đất cát được dẫn vào các hố lắng để lắng cặn, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực.

– Thường xuyên tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống rãnh thu, hố lắng đảm bảo thoát nước trong quá trình thi công, định kỳ 1 tuần/lần. Lượng bùn nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và đổ thải theo quy định.

– Không thi công vào ngày có mưa to, bão lũ.

– Dọn sạch mặt bằng thi công vào cuối ngày làm việc.

– Các bãi chứa nguyên vật liệu và phế thải xây dựng phải được che chắn cẩn thận.

c. Chất thải rắn


✚ *Chất thải rắn sinh hoạt*

- Phân loại chất thải sinh hoạt thành 2 loại: chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ.
- Bố trí 02 thùng rác dung tích khoảng 200 lít trong khu vực lán trại của công nhân.
- Tuyển dụng công nhân địa phương để giảm bớt nhu cầu lán trại tạm ngoài công trường.
- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân và lán trại, trong đó có chế độ thưởng phạt.
- Tập huấn, tuyên truyền cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

✚ *Chất thải rắn thông thường*

- Các đơn vị thầu xây dựng các hạng mục trên công trường sẽ tiến hành thu gom, phân loại và lưu giữ các chất thải xây dựng tại các vị trí quy định trên công trường. Các vị trí lưu giữ phải thuận tiện cho các đơn vị thi công đổ thải. Để tránh gây thất thoát và rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường các vị trí lưu giữ được thiết kế có vách cứng bao che và có rãnh thoát nước tạm thời...
- Đối với chất thải rắn vô cơ: đất, đá, sỏi, gạch vỡ, bê tông... một phần sử dụng san nền, phần thừa sẽ được đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị thu gom đổ đúng nơi quy định.
- Các chất thải xây dựng sẽ được vận chuyển đi ngay trong ngày để trả lại mặt bằng thi công. Phương tiện vận chuyển phải là các phương tiện chuyên dụng như: có che đậy, thùng chứa không thùng... để tránh rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường trong quá trình vận chuyển.
- Đối với những chất thải có khả năng tái chế như carton, gỗ pallet, ống nhựa được các nhà thầu thu gom bán cho cơ sở tái chế.

- Có sự giám sát thường xuyên và chặt chẽ của chủ dự án tránh trường hợp đổ chất thải xây dựng bừa bãi, không đúng nơi quy định.

 *Chất thải nguy hại*

- Do lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng nhỏ nên chủ dự án sẽ lưu giữ tạm thời chất thải theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;, cụ thể như sau:

e. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt

- Cung cấp đầy đủ nước uống và trang phục bảo hộ lao động cho CBCNV thi công.

- Hạn chế thi công các hạng mục ngoài trời khi nhiệt độ > 40°C.

- Tuân thủ đúng quy định về Luật An toàn lao động để bố trí thời gian nghỉ ngơi phù hợp cho công nhân.

- Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu, đất đổ thải hợp lý.

- Hạn chế vận hành nhiều phương tiện thi công tại cùng một thời điểm để giảm thiểu sự tỏa nhiệt ra môi trường xung quanh.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công tại các gara chuyên dụng với tần suất 1 tháng/lần.

f. Giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn

- Bố trí rãnh thu và hố lắng (kích thước 1x1x1m) tạm thời tại các vị trí phù hợp để thu nước mưa chảy tràn, hố lắng bố trí song chắn rác loại bỏ rác thô kích thước lớn.

- Tiến hành thu dọn các chất rơi vãi trong khi đào, đắp móng các công trình, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào những ngày có mưa, tránh hiện tượng rơi vãi làm tắc hệ thống thoát nước khu vực.

– Dầu mỡ và vật liệu độc hại do phương tiện vận chuyển và thi công gây ra được quản lý, thu gom hợp lý và đúng quy định.

– Nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước, tần suất 2 tháng/lần.

g. Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái thực vật

– Không chặt phá cây xanh nằm trên các khu đất ngoài phạm vi dự án;
– Người, thiết bị và xe thi công được hạn chế trong các khu vực công trường được xác định bằng hàng rào dựng lên tại ranh giới công trường.

– Không đốt cây cối sau khi phát quang

– Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

– Bảo vệ tất cả các cây xanh ở bên trong ranh giới công trường nếu chúng không ảnh hưởng tới việc thi công hoặc các hoạt động của dự án.

– Xây dựng phương án, kế hoạch Phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ.

4.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

a. Giảm thiểu ô nhiễm không khí

Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển ra vào dự án gồm:

– Sử dụng các loại xe đã được đăng kiểm theo đúng quy định của Nhà nước.
– Sử dụng các xe chuyên dụng, có nắp kín vận chuyển chất thải đến tận chân công trình hồ tập kết chất thải rắn.

– Không chở quá tải trọng cho phép của các phương tiện, hạn chế rơi vãi và bụi phát sinh.

– Các xe vận chuyển được rửa xe trước khi ra khỏi khu vực.

- Tiến hành tưới nước giảm thiểu bụi trên các tuyến đường nội bộ khu vực.
Tần suất tưới: 2 lần/ngày (phụ thuộc vào tình hình thời tiết thực tế có thể điều chỉnh tần suất tưới nước cho hợp lý).

- Bố trí diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ theo đúng diện tích đất đã quy hoạch trồng cây xanh thảm cỏ của dự án.

- Bố trí lao động dọn vệ sinh tại khu vực dự án, các khu xử lý và các tuyến đường nội bộ, cống ra vào, hạn chế bụi phát sinh ảnh hưởng đến sức khỏe CBCNV làm việc.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Quy định tốc độ của xe chạy trong khu vực đường giao thông nội bộ từ 10-15km/h.

- Tắt máy phương tiện khi không tiến hành di chuyển.

- Quy định nghiêm ngặt về thời gian đỗ, số lượng xe và các xe vận chuyển phải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Giảm thiểu tác động bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất

Thông thoáng nhà xưởng sản xuất, lắp đặt hệ thống thông gió, quạt hút và hệ thống làm mát phù hợp với đặc thù sản xuất của nhà máy;

Thực hiện quét dọn, vệ sinh ngay trường hợp để rơi vãi nguyên vật liệu, thành phẩm.

Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, tất các công nhân làm việc tại nhà máy đều được trang bị bảo hộ lao động phù hợp theo đặc thù của công đoạn sản xuất;

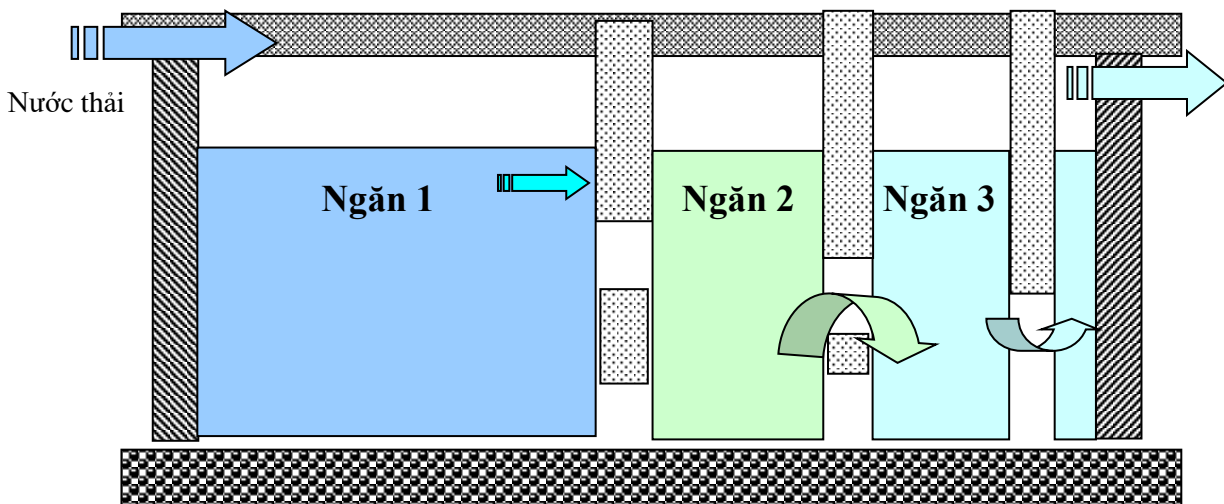
Giám sát sự tuân thủ an toàn trong lao động tại nhà máy;

Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân;

b. Giảm thiểu tác động nước thải

✚ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 2-3 năm, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD.



Cấu tạo của bể tự hoại

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân huỷ, nước thải sau đó được dẫn ra hệ tiếp nhận.

✚ Giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn:

- Thiết kế xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước mưa tách biệt hoàn toàn với với hệ thống thu gom nước thải;
- Định kỳ nạo vét các hố ga và khai thông cống thoát nước mưa;
- Quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại, tránh các loại chất thải này rơi vãi hoặc bị cuốn vào hệ thống thoát nước mưa.

Giảm thiểu ô nhiễm chất thải rắn

Chủ đầu tư cam kết sẽ tuân thủ đúng pháp luật hiện hành trong công tác thu gom, lưu trữ và xử lý các chất thải rắn, cụ thể là tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

V. KẾT LUẬN

Các tác động từ hoạt động của dự án tới môi trường là không lớn và hoàn toàn có thể kiểm soát được. Đồng thời, các sản phẩm mà dự án tạo ra đóng vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hoạt động của dự án mang lại lợi ích đáng giá và đặc biệt có hiệu quả về mặt xã hội lớn lao, tạo điều kiện công việc làm cho người lao động tại địa phương.

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố ô nhiễm môi trường phát sinh không thể tránh khỏi. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, mối quan hệ giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn lao động trong sản xuất cũng được chú trọng.

CHƯƠNG VI. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ – NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.

Nguồn vốn: vốn chủ sở hữu 20%, vốn vay 80%. Chủ đầu tư sẽ làm việc với các ngân hàng thương mại để vay dài hạn. Lãi suất cho vay các ngân hàng thương mại theo lãi suất hiện hành.

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình được lập dựa theo quyết định về Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình của Bộ Xây dựng; giá thiết bị dựa trên cơ sở tham khảo các bản chào giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị.

Nội dung tổng mức đầu tư

Mục đích của tổng mức đầu tư là tính toán toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng dự án “*Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp*” làm cơ sở để lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư, xác định hiệu quả đầu tư của dự án.

Tổng mức đầu tư bao gồm: Chi phí xây dựng và lắp đặt, Chi phí vật tư thiết bị; Chi phí tư vấn, Chi phí quản lý dự án & chi phí khác, dự phòng phí.

Chi phí xây dựng và lắp đặt

Chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình; Chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

Chi phí thiết bị

Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí có liên quan.

Các thiết bị chính, để giảm chi phí đầu tư mua sắm thiết bị và tiết kiệm chi phí lãi vay, các phương tiện vận tải có thể chọn phương án thuê khi cần thiết. Với phương án này không những giảm chi phí đầu tư mà còn giảm chi phí điều hành hệ thống vận chuyển như chi phí quản lý và lương lái xe, chi phí bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa...

Chi phí quản lý dự án

Chi phí khác

Dự phòng phí

- Dự phòng phí bằng 5% chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

II. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.

2.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.

Tổng mức đầu tư của dự án: **15.712.866.000 đồng.**

(Mười lăm tỷ, bảy trăm mười hai triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- + Vốn tự có (20%)
- + Vốn vay - huy động (80%) Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án:

<i>Chăn nuôi bò thịt vỗ béo</i>	<i>1.000,0</i>	<i>con/năm</i>
<i>Thu gom, xử lý phân bò</i>	<i>3.577,0</i>	<i>tấn/năm</i>
<i>Trồng cây ăn quả</i>	<i>69,6</i>	<i>tấn/năm</i>

Nội dung chi tiết được trình bày ở Phần phụ lục dự án kèm theo.

2.2. Các chi phí đầu vào của dự án:

Chi phí đầu vào của dự án		%	Khoản mục
1	Chi phí marketing, bán hàng	3%	Doanh thu
2	Chi phí khấu hao TSCĐ	""	Khấu hao
3	Chi phí bảo trì thiết bị	2%	Tổng mức đầu tư thiết bị
4	Chi phí nguyên vật liệu	55%	Doanh thu
5	Chi phí quản lý vận hành	5%	Doanh thu
6	Chi phí lãi vay	""	Kế hoạch trả nợ
7	Chi phí lương	""	Bảng lương

Chi phí đầu vào của dự án		%	Khoản mục
Chế độ thuế		%	
1	Thuế TNDN	10	

2.3. Phương án vay.

- Số tiền : **12.570.293.000 đồng.**
- Thời hạn : 10 năm (120 tháng).
- Ân hạn : 1 năm.
- Lãi suất, phí : Tạm tính lãi suất 10%/năm (tùy từng thời điểm theo lãi suất ngân hàng).

- Tài sản bảo đảm tín dụng: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Lãi vay, hình thức trả nợ gốc			
1	Thời hạn trả nợ vay	10	năm
2	Lãi suất vay cố định	10%	/năm
3	Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (tạm tính)	15%	/năm
4	Chi phí sử dụng vốn bình quân WACC	10.2%	/năm
5	Hình thức trả nợ	1	
(1: trả gốc đều; 2: trả gốc và lãi đều; 3: theo năng lực của dự án)			

Chi phí sử dụng vốn bình quân được tính trên cơ sở tỷ trọng vốn vay là 80%; tỷ trọng vốn chủ sở hữu là 20%; lãi suất vay dài hạn 10%/năm; chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (tạm tính) là 15%/năm.

2.4. Các thông số tài chính của dự án

2.4.1. Kế hoạch hoàn trả vốn vay.

Kết thúc năm đầu tiên phải tiến hành trả lãi vay và trả nợ gốc thời gian trả nợ trong vòng 10 năm của dự án, trung bình mỗi năm trả **2 tỷ đồng**. Theo phân tích khả năng trả nợ của dự án (phụ lục tính toán kèm theo) cho thấy, khả năng trả được nợ là rất cao, trung bình dự án có khả năng trả được nợ, trung bình khoảng trên 368% trả được nợ.

2.4.2. Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn.

Khả năng hoàn vốn giản đơn: Dự án sẽ sử dụng nguồn thu nhập sau thuế và khấu hao cơ bản của dự án để hoàn trả vốn vay.

$$\text{KN hoàn vốn} = (\text{LN sau thuế} + \text{khấu hao} + \text{lãi vay}) / \text{Vốn đầu tư.}$$

Theo phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn của dự án (phần phụ lục) thì chỉ số hoàn vốn của dự án là 7.28 lần, chứng tỏ rằng cứ 1 đồng vốn bỏ ra sẽ được đảm bảo bằng 7.28 đồng thu nhập. Dự án có đủ khả năng tạo vốn cao để thực hiện việc hoàn vốn.

Thời gian hoàn vốn giản đơn (T): Theo (Bảng phụ lục tính toán) ta nhận thấy đến năm thứ 5 đã thu hồi được vốn và có dư, do đó cần xác định số tháng của năm thứ 4 để xác định được thời gian hoàn vốn chính xác.

Số tháng = Số vốn đầu tư còn phải thu hồi/thu nhập bình quân năm có dư.

Như vậy thời gian hoàn vốn giản đơn của dự án là **4 năm 3 tháng** kể từ ngày hoạt động.

2.4.3. Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu.

$$PIp = \frac{\sum_{t=1}^{t=n} CFt(P/F, i\%, t)}{P}$$

Khả năng hoàn vốn và thời điểm hoàn vốn được phân tích cụ thể ở bảng phụ lục tính toán của dự án. Như vậy $PIp = 2.71$ cho ta thấy, cứ 1 đồng vốn bỏ ra đầu tư sẽ được đảm bảo bằng 2.71 đồng thu nhập cùng quy về hiện giá, chứng tỏ dự án có đủ khả năng tạo vốn để hoàn trả vốn.

Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (Tp) (hệ số chiết khấu 10.2%).

$$O = -P + \sum_{t=1}^{t=Tp} CFt(P/F, i\%, Tp)$$

Theo bảng phân tích cho thấy đến năm thứ 6 đã hoàn được vốn và có dư. Do đó ta cần xác định số tháng cần thiết của năm thứ 5.

Như vậy thời gian hoàn vốn có chiết khấu của dự án là **5 năm 6 tháng** kể từ ngày hoạt động.

2.4.4. Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần (NPV).

$$NPV = -P + \sum_{t=1}^{t=n} CFt(P/F, i\%, t)$$

Trong đó:

- P: Giá trị đầu tư của dự án tại thời điểm đầu năm sản xuất.
 - CF_t : Thu nhập của dự án = lợi nhuận sau thuế + khấu hao.
- Hệ số chiết khấu mong muốn 10.2%/năm.

Theo bảng phụ lục tính toán **NPV = 26.844.567.000 đồng**. Như vậy chỉ trong vòng 20 năm của thời kỳ phân tích dự án, thu nhập đạt được sau khi trừ giá trị đầu tư qui về hiện giá thuần **26.844.567.000 đồng > 0** chứng tỏ dự án có hiệu quả cao.

2.4.5. Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).

Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) là tỷ suất chiết khấu mà tại đó hiện giá ròng NPV bằng 0. Hay nói cách khác, IRR là suất chiết khấu mà khi dùng nó để quy đổi dòng tiền tệ thì giá trị hiện tại của dòng thu nhập cân bằng với giá trị hiện tại của chi phí.

$$0 = NPV = \sum_{t=0}^n \frac{C_t}{(1 + r^*)^t} - C_0 \rightarrow r^* = IRR$$

Trong đó:

- C₀: là tổng chi phí đầu tư ban đầu (năm 0)
- C_t: là dòng tiền thuần tại năm t
- n: thời gian thực hiện dự án.
- NPV: hiện giá thuần.

Theo phân tích được thể hiện trong bảng phân tích của phụ lục tính toán cho thấy **IRR = 26.71% > 10.2%** như vậy đây là chỉ số lý tưởng, chứng tỏ dự án có khả năng sinh lời.

KẾT LUẬN

.....

I. KẾT LUẬN.

Với kết quả phân tích như trên, cho thấy hiệu quả tương đối cao của dự án mang lại, đồng thời giải quyết việc làm cho người dân trong vùng. Cụ thể như sau:

- + Các chỉ tiêu tài chính của dự án cho thấy dự án có hiệu quả về mặt kinh tế.
- + Hàng năm đóng góp vào ngân sách địa phương trung bình khoảng **464,8 triệu đồng** thông qua nguồn thuế thu nhập từ hoạt động của dự án.
- + Hàng năm giải quyết việc làm cho nhiều lao động của địa phương.

Góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.

Với tính khả thi của dự án, rất mong các cơ quan, ban ngành xem xét và hỗ trợ chúng tôi để chúng tôi có thể triển khai thực hiện các bước của dự án “**Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp**” tại Thành phố Đà Nẵng theo đúng tiến độ và quy định, sớm đưa dự án đi vào hoạt động.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

PHỤ LỤC: CÁC BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

(KHÁCH HÀNG SẼ NHẬN ĐƯỢC SAU KHI THANH TOÁN CHI PHÍ THEO HỢP ĐỒNG. XIN CẢM ƠN)

ĐVT: 1000 VNĐ

Phụ lục 1: Tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 2: Bảng tính khấu hao hàng năm.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 3: Bảng tính doanh thu và dòng tiền hàng năm.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 4: Bảng Kế hoạch trả nợ hàng năm.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 5: Bảng mức trả nợ hàng năm theo dự án.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 6: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 7: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn có chiết khấu.

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 8: Bảng Tính toán phân tích hiện giá thuần (NPV).

Dự án “Trang trại chăn nuôi bò kết hợp trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN: 0918755356- 0936260633

Phụ lục 9: Bảng Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).